

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phân tích sinh kế (Livelihoods analysis)

- Mã số học phần: PD312
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành và 60 tiết tự học

2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn: Bộ môn Kinh tế - Xã hội và Chính sách
- Viện: Viện Nghiên cứu Phát Triển ĐBSCL, Đại học Cần Thơ

3. Điều kiện:

- Điều kiện tiên quyết: Không
- Điều kiện song hành: Không

4. Mục tiêu của học phần:

Học phần Phân tích sinh kế có các mục tiêu tổng quát về kiến thức, kỹ năng, thái độ/mức độ tự chủ và trách nhiệm như sau:

| Mục tiêu | Nội dung mục tiêu | CDR CTĐT |
|----------|---|---------------------------|
| 4.1 | Nắm được cơ sở lý luận về sinh kế bền vững; phân tích được bối cảnh tổn thương, tài sản, chiến lược và kết quả sinh kế của nhóm hộ/cộng đồng; nắm được các yếu tố chính sách và định chế ảnh hưởng đến tiến trình sinh kế thích ứng; | 2.1.2a,b,c; 2.1.3a |
| 4.2 | Đánh giá nguồn lực sinh kế, tổn thương và thích ứng của cộng đồng; xây dựng, thực hiện và đánh giá các dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển sinh kế bền vững; và ứng dụng các tiếp cận và công cụ phân tích các thành phần khung sinh kế bền vững | 2.2.1a,d,f,g; 2.2.2a,c |
| 4.3 | Linh hoạt trong tiếp cận và sử dụng công cụ phân tích sinh kế bền vững; và đánh giá được tiến trình sinh kế thích ứng của nhóm hộ/cộng đồng với tác động của sự thay đổi (tự nhiên và KTXH, trong đó, có chính sách và định chế) | 2,1,2a,b,d; 2.2.2g |
| 4.4 | Thái độ khoa học đúng đắn trong tiếp cận sinh kế bền vững; có trách nhiệm hơn đối với người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương nhằm nâng cao sinh kế của họ bền vững (đối với tác động của tự nhiên và KTXH) và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. | 2.3a,b,c |

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

| CDR HP | Nội dung chuẩn đầu ra | Mục tiêu | CDR CTĐT |
|--------|--|-------------|----------|
| | Kiến thức | | |
| CO1 | Nắm được cơ sở lý luận về tiếp cận sinh kế bền vững | 4.1 | 2.1.2a,b |
| CO2 | Phân tích được bối cảnh tổn thương liên quan đến tự nhiên và KTXH đối với tiến trình phát triển sinh kế của cộng đồng; | 4.1; 4.2 | 2.1.2a,b |

| CDR HP | Nội dung chuẩn đầu ra | Mục tiêu | CDR CTĐT |
|--------|---|-------------|---------------------------|
| | Kiến thức | | |
| CO3 | Biết được các tài sản sinh kế chính yếu, chiến lược sinh kế và kết quả sinh kế kỳ vọng của cộng đồng; | 4.1; 4.2 | 2.1.2a,b |
| CO4 | Nắm được các yếu tố chính sách và định chế ảnh hưởng đến quá trình tiếp cận tài sản sinh kế để xây dựng và thực hiện các chiến lược sinh kế của các nhóm hộ và cộng đồng khác nhau. | 4.1; 4.2 | 2.1.2a,b,c |
| | Kỹ năng | | |
| CO5 | Vận dụng được cơ sở lý luận về tiếp cận sinh kế bền vững | 4.2; 4.3 | 2.1.2a,b; 2.2.1d,f,g |
| CO6 | Phác họa được bối cảnh tổn thương liên quan đến tự nhiên và KTXH đối với tiến trình phát triển sinh kế của cộng đồng; | 4.2; 4.3 | 2.1.2a,b; 2.2.1d,f,g |
| CO7 | Đánh giá được các tài sản sinh kế chính yếu, chiến lược sinh kế và kết quả sinh kế kỳ vọng của cộng đồng; phân tích được các yếu tố chính sách và định chế ảnh hưởng đến quá trình tiếp cận tài sản sinh kế để xây dựng và thực hiện các chiến lược sinh kế của các nhóm hộ và cộng đồng khác nhau; | 4.2; 4.3 | 2.1.2a,b; 2.2.1d,f,g |
| CO8 | Phác họa được khung sinh kế bền vững và sử dụng được các công cụ phân tích sinh kế. | 4.2; 4.3 | 2.1.2a,b,d; 2.2.1d,f,g |
| | Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm | | |
| CO9 | Thái độ khoa học đúng đắn trong tiếp cận, thực hiện và đánh giá các dự án phát triển sinh kế bền vững trong nông thôn; | 4.4 | 2.3a,b,c |
| CO10 | Không ngừng tìm tòi học hỏi các khía cạnh tổng hợp về kinh tế, xã hội, môi trường và định chế xã hội trong phát triển sinh kế bền vững, đặc biệt là xóa đói giảm nghèo; | 4.4 | 2.3a,b,c |
| CO11 | Trách nhiệm hơn đối với người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương nhằm nâng cao sinh kế của họ bền vững và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. | 4.4 | 2.3a,b,c |

6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Phân tích sinh kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan bối cảnh tổn thương về tự nhiên và KTXH, các nguồn lực sinh kế, các chiến lược và kết quả sinh kế của hộ/cộng đồng; đồng thời chỉ ra các ảnh hưởng về mặt chính sách và định chế xã hội trong tiến trình phát triển sinh kế của họ. Cơ sở lý thuyết về phân tích sinh kế nhấn mạnh vai trò của nó trong nâng cao sinh kế cộng đồng và phát triển nông thôn bền vững. Bối cảnh tổn thương phác họa các tác động về mặt tự nhiên (ví dụ, bão, lũ, hạn, xâm nhập mặn,...) và KTXH đối với cộng đồng dân cư. Phân tích nguồn lực sinh kế trên các khía cạnh tự nhiên, con người, xã hội, vật chất và tài chính nhằm chỉ ra các điểm mạnh và hạn chế cụ thể của hộ và cộng đồng. Chiến lược sinh kế nhấn mạnh đến sự kết hợp các tài sản sinh kế mà cộng đồng có thể tiếp cận được nhằm đạt được các kết quả sinh kế kỳ vọng của họ. Phân tích cấu trúc và tiến trình chỉ ra ảnh hưởng về mặt chính sách và định chế xã hội trong tiến trình tiếp cận các nguồn lực sinh kế để xây dựng và thực hiện các chiến lược của hộ và cộng đồng.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

7.1. Lý thuyết

| | Nội dung | Số tiết | CĐR HP |
|------------------|--|----------|------------------------|
| Chương 1. | Tổng quan về phân tích sinh kế | 2 | |
| 1.1. | Giới thiệu phân tích sinh kế | | CO1 |
| 1.2. | Các nguyên lý phân tích sinh kế bền vững | | CO1 |
| 1.3. | Mối liên hệ giữa tiếp cận sinh kế bền vững với các tiếp cận khác | | CO1 |
| 1.4. | Các vấn đề của tiếp cận sinh kế bền vững | | CO1 |
| Chương 2. | Khung phân tích sinh kế bền vững | 6 | |
| 2.1. | Khung phân tích sinh kế bền vững | | CO1; CO4; CO7; CO8 |
| 2.2. | Bối cảnh tổn thương (vulnerability context) | | CO1; CO4; CO6; CO8 |
| 2.3. | Vốn sinh kế (livelihood capitals) | | CO1; CO4; CO7; CO8 |
| 2.4. | Cấu trúc và tiến trình ảnh hưởng sinh kế | | CO1; CO4; CO7; CO8 |
| 2.5. | Chiến lược sinh kế (livelihood strategies) | | CO1; CO4; CO7; CO8 |
| 2.6. | Kết quả sinh kế (livelihood outcomes) | | CO1; CO4; CO7; CO8 |
| Chương 3. | Ứng dụng khung phân tích sinh kế | 4 | |
| 3.1. | Ứng dụng khung phân tích sinh kế bền vững | | CO5, CO6; CO7; CO8 |
| 3.2. | Đánh giá hiện trạng về đời sống | | CO5, CO6; CO7; CO9 |
| 3.3. | Xác định và thiết kế các chương trình phát triển | | CO5, CO6; CO7; CO10 |
| 3.4. | Sử dụng lập kế hoạch dự án mới | | CO5, CO6; CO7; CO11 |
| 3.5. | Giám sát và đánh giá cải thiện sinh kế | | CO5, CO6; CO7; CO11 |
| 3.6. | Khung sinh kế bền vững và khung logic | | CO5, CO6; CO7; CO8 |
| 3.7. | Đổi mới chính sách | | CO5, CO6; CO7; CO11 |
| Chương 4. | Các phương pháp phân tích | 6 | |
| 4.1. | Phương pháp phân tích sinh kế bền vững | | CO7; CO8 |

| | Nội dung | Số tiết | CDR HP |
|-------|---|---------|----------|
| 4.2. | Thực hiện phân tích sinh kế bền vững | | CO7; CO8 |
| 4.3. | Các vấn đề trong phân tích sinh kế | | CO7; CO8 |
| 4.4. | Nhóm công cụ được sử dụng rộng rãi | | CO7; CO8 |
| 4.5. | Lược khảo tài liệu và phân tích số liệu thứ cấp | | CO7; CO8 |
| 4.6. | Phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia | | CO7; CO8 |
| 4.7. | Điều tra chọn mẫu | | CO7; CO8 |
| 4.8. | Phân tích bối cảnh tổn thương | | CO7; CO8 |
| 4.9. | Phân tích tài sản sinh kế | | CO7; CO8 |
| 4.10. | Phân tích chính sách, thể chế và tiến trình | | CO7; CO8 |
| 4.11. | Phân tích chiến lược sinh kế | | CO7; CO8 |
| 4.12. | Phân tích kết quả sinh kế | | CO7; CO8 |
| 4.13. | Đánh giá vốn sinh kế thông qua chỉ số | | CO7; CO8 |
| 4.14. | Đánh giá khả năng thích ứng của cộng đồng | | CO7; CO8 |

7.2. Thực hành

| | Nội dung | Số tiết | CDR HP |
|--------|--|---------|-------------------------------|
| Bài 1. | Xác định các thành phần trong khung phân tích sinh kế và phác họa khung phân tích sinh kế theo chủ đề và bối cảnh tổn thương | 4 | CO1; CO2; CO3; CO4; CO5 |
| Bài 2. | Ứng dụng khung phân tích sinh kế bền vững theo chủ đề nghiên cứu | 6 | CO5; CO6; CO7; CO8 |
| Bài 3. | Sử dụng các công cụ phân tích các thành phần của khung sinh kế | 5 | CO8 |
| Bài 4. | Báo cáo nhóm theo từng chủ đề hoặc nhóm cộng đồng | 5 | CO9; CO10; CO11 |

8. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp dạy học đa dạng, kết hợp thuyết giảng, thực hành, thảo luận nhóm, thuyết trình và bài thu hoạch nhóm.

- Thuyết giảng giúp sinh viên tiếp cận các khía cạnh lý thuyết và phương pháp của học phần.
- Thảo luận nhóm nhằm minh họa các thành phần sinh kế trong đời sống kinh tế - xã hội trên các cơ sở lý thuyết vừa được tiếp cận.
- Thuyết trình nhóm nhằm làm rõ các trọng tâm của học phần và trang bị kỹ năng làm việc nhóm, trình bày vấn đề trước đám đông, đặt câu hỏi phản biện và trả lời các vấn đề liên quan.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết;
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả;
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện;
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ;
- Tham dự thi kết thúc học phần;
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

| TT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | CDR HP |
|----|----------------------------|---|----------|---|
| 1 | Điểm chuyên cần | Số tiết tham dự học/tổng số tiết | 10% | CO9; CO10 |
| 2 | Điểm bài tập nhóm | - Tham gia thảo luận các bài tập nhóm - Thiết kế bố cục và nội dung báo cáo - Thuyết trình bài tập nhóm | 30% | CO1; CO2; CO5; CO6; CO7; CO8 |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi viết (90 phút) - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết - Bắt buộc dự thi | 60% | CO1; CO2; CO3; CO4; CO5; CO6; CO7; CO8; CO11 |

10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

11. Tài liệu học tập:

| Thông tin về tài liệu | Số đăng ký cá biệt |
|---|--------------------|
| [1] Võ Văn Tuấn và Lê Cảnh Dũng, 2015. Phân tích Sinh kế: Lý thuyết và Thực tiễn. NXB Đại học Cần Thơ. | MFN: 198599 |
| [2] Ashley, 2000. Applying livelihood approaches to natural resource management initiatives: Experiences in Namina and Kenya. London: Overseas Development Institute. | MFN: 161518 |
| [3] Neefjes, K. 2003. Môi trường và sinh kế: Các chiến lược phát triển bền vững. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003 | MFN: 58471 |

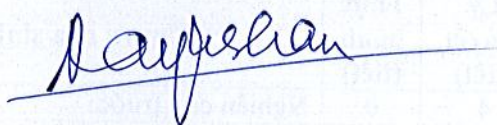
11. Hướng dẫn sinh viên tự học:

| Tuần | Nội dung | Lý thuyết (tiết) | Thực hành (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên |
|------|------------------------|------------------|------------------|------------------------|
| 1 | Chương 1: Tổng quan về | 4 | 0 | Nghiên cứu trước: |

| Tuần | Nội dung | Lý thuyết (tiết) | Thực hành (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên |
|-------|--|------------------|------------------|--|
| | phân tích sinh kế | | | - Tài liệu [1]: Chương 1 - Tài liệu [3] |
| 2-3 | Chương 2: Khung phân tích sinh kế bền vững | 6 | 0 | Nghiên cứu trước: - Tài liệu [1]: Chương 2 - Tài liệu [2] - Làm bài tập cá nhân (Bài tập 1) |
| 4 | Chương 2: Khung phân tích sinh kế bền vững | 6 | 0 | Nghiên cứu trước: - Tài liệu [1]: Chương 2 - Làm bài tập cá nhân (Bài tập 1) |
| 5 | Chương 2: Khung phân tích sinh kế bền vững | 0 | 4 | Nghiên cứu trước: - Tài liệu [1]: Chương 2 - Thực hành Bài tập 1 |
| 5-6 | Chương 3: Sử dụng khung phân tích sinh kế | 8 | 0 | Nghiên cứu trước: - Tài liệu [1]: Chương 3 - Làm bài tập cá nhân (Bài tập 2) |
| 7 | Chương 3: Sử dụng khung phân tích sinh kế | 0 | 6 | Nghiên cứu trước: - Tài liệu [1]: Chương 3 - Thực hành Bài tập 2 |
| 8-9 | Chương 4: Các phương pháp phân tích | 6 | 0 | Nghiên cứu trước: - Tài liệu [1]: Chương 4 - Tài liệu [2] - Bài tập nhóm Bài tập 3 |
| 10 | Chương 4: Các phương pháp phân tích | 6 | 0 | Nghiên cứu trước: - Tài liệu [1]: Chương 4 - Tài liệu [2] - Bài tập nhóm Bài tập 3 |
| 11-12 | Chương 4: Các phương pháp phân tích | 0 | 5 | Nghiên cứu trước: - Tài liệu [1]: Chương 4 - Tài liệu [2] - Thực hành Bài tập 4 |
| 13-14 | Chương 4: Các phương pháp phân tích | 4 | 5 | Nghiên cứu trước: - Chuẩn bị và báo cáo kết quả bài tập nhóm Bài tập 4 |
| | Tổng cộng | 40 | 20 | |

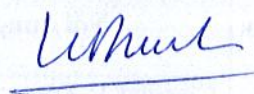
Cần Thơ, ngày 13 tháng 5 năm 2021

**TL. HIỆU TRƯỞNG
VIỆN TRƯỞNG**



Đặng Kiều Nhân

TRƯỞNG BỘ MÔN



Lê Cảnh Dũng